

KẾ HOẠCH TUẦN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRẺ NĂM HỌC 2025 - 2026

CHỦ ĐỀ 2: ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI CỦA BÉ

Thời gian thực hiện: 4 Tuần (Từ ngày 06/10/2025 đến ngày 31/10/2025)

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a. Phát triển vận động					
1	18-24 T	Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay – đưa về phía trước sang ngang.	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay.	- Chân: dang sang 2 bên	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Tay đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Bụng: + Nghiêng sang trái, sang phải + Cúi về phía trước - Chân: + Ngồi xuống đứng lên + Dang sang 2 bên + Co duỗi từng chân - Trẻ tập theo nhạc tập thể dục buổi sáng.
2	24-36T	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	- Lưng, bụng, lườn: nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên.	- Tay: Đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Vận người sang 2 bên. - Chân: Co duỗi từng chân.	
3	18-24T	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi Đi có mang vật trên tay	- Đi có mang vật trên tay - Bật qua vạch kẻ		* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - VĐ: + Bò chui qua cổng (18-24T + 24-36T) + Đi có mang vật trên tay(18-24T + 24-36T) + Tung bóng qua dây(18-24T + 24-36T) + Bật qua vạch kẻ (24-36) + Ngồi lăn bóng (18-24) * Hoạt động chơi - TC: + Bắt bướm + Bịt mắt bắt dê
4	24-36T	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi có mang vật trên tay.			
5	18-24T	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: biết Ngồi lăn bóng, Tung bóng qua dây.	- Ngồi lăn bóng - Tung bóng qua dây		

7	18-24T	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi Bò chui qua cổng, bật qua vạch cản.	- Bò chui qua cổng		+ Trời nắng, trời mưa + Bọ dừa
8	24-36T	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò chui qua cổng		
11	18-24T	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.	* Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời - Chơi ở các khu vực chơi. - Hoạt động góc (Góc thao tác vai: Bế em, ru em ngủ, nấu ăn...) + Góc hvdv: Xâu vòng xanh, đỏ,... + Góc vđ: Chơi thả bi, lăn bóng,... + Góc NT: Vò giấy, di tô màu.... - Hoạt động ca múa hát tập thể, hoạt động ca múa hát giữa giờ.
12	24-36T	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khảy, đảo, vò xé.		
13	18-24T	- Trẻ tháo lắp lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ.	- Xếp chồng 3-4/5-6 khối vuông/trụ.	- Tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn/vuông.	*Hoạt động chơi: - HĐG + Góc hvdv: Xâu vòng xanh, đỏ, tháo lắp vỏ chai,... + Góc vđ: Chơi thả bi, lăn bóng,... + Góc NT: Vò giấy, di tô màu... * HĐ chơi tập có chủ định: - HĐVDV: + Tô màu cái bát + Xâu vòng màu xanh + Xâu vòng màu đỏ + Tô màu quả bóng * Hoạt động chơi - TCM: Cắp hạt bỏ giỏ; Un na nu nông; Lăn bóng;
14	24-36T	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...		- Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Đóng cọc bàn gỗ.	

				- Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối.	Kéo cưa lừa xẻ.
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
15	18-24T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.(ăn cơm, thịt, cá, rau...)		* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Giờ ăn: + Trò chuyện về các loại thức ăn, tập ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau (cơm, thịt xào củ quả, trứng thịt...) + Tập cho trẻ 1 số thao tác cơ bản trong ăn uống như không làm rơi vãi, cầm thìa bằng tay phải, tay trái cầm bát... - Tập luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Trẻ nghe, nói được 1 số từ: Bàn, ghế, bát canh, bát cơm...
16	24-36T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	
17	18-24T	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc / Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.		* HĐ ăn, ngủ, vệ sinh, cá nhân: - Giờ ngủ: Tập cho trẻ thói quen ngủ đúng giờ, ngủ một giấc.
18	24-36T	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa.			
19	18-24T	- Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.	- Tập 1 số thói quen vệ sinh tốt	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh: + Tập cho trẻ 1 số thói

20	24-36T	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	+ “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	quen đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Tập rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
21	18-24T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập ngồi vào bàn ăn - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Tổ chức giờ ăn cho trẻ. - Quan sát và đàm thoại với trẻ về cách sử dụng một số đồ dùng đúng cách và sử dụng được các từ: cái ca, cái cốc, cái bát, cái thìa... - Thực hành: Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. + Hỗ trợ trẻ chưa có kỹ năng.
22	24-36T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)		- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách	
23	18-24T	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		- Mặc quần áo đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới sự giúp đỡ của cô...) + Không dẫm lên hột hạt,

24	24-36T	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm (Dao, kéo, mảnh chai...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần (ao, hồ, sông, suối tại địa phương nơi mình đang sinh sống) - Mặc quần áo khi trời lạnh.	nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang... *Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giờ đón, trả trẻ: + Không cầm chơi các vật sắc nhọn, không leo trèo nắp bể, giếng... + Cho trẻ xem video về một số tai nạn thường gặp, trò chuyện cùng trẻ. - Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được khóc tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng... + Cho trẻ xem video một số hành động nguy hiểm và trò chuyện với trẻ . . . + Cho trẻ xem video dạy kỹ năng đi dép và giáo dục trẻ: Không được vút dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định. - Giáo dục trẻ không tự ý đi ra một mình khỏi lớp, không leo trèo ban công, tường rào, ...
25	24-36T	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
26	18-24T	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	
27	24-36T	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	

2. Phát triển nhận thức					
28	18-24T	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn...để nhận biết đặc điểm nổi bật Nhận biết quả bóng, cái vòng (màu xanh, đỏ)	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.		
29	24-36T	- Trẻ sờ nắn, nhìn... để nhận biết đặc điểm của quả bóng, cái vòng (màu xanh, đỏ).		- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, tron nhẵn xù xì	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - HĐNB: Nhận biết quả bóng, cái vòng (màu xanh, đỏ) *Hoạt động chơi - Giờ đón trả trẻ: cho trẻ cất, tìm đồ dùng cá nhân
31	24-36 T	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân, của nhóm/lớp.	- HDG (góc hể dục: chơi với các khối nhựa, hạt...) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)
32	24-36 T	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng		* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HĐNB: + Nhận biết đôi dép, cái mũ + Nhận biết cái bát, cái thìa. + Nhận biết quả bóng, cái vòng (màu xanh, đỏ). + Nhận biết búp bê, ô tô * HĐ chơi: - Trong giờ đón, trả trẻ: Trò chuyện về chủ đề.
33	24-36 T	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc.			
34	18-24 T	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh. - Kích thước (to - nhỏ)		* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HĐVDV: + Tô màu cái bát + Xâu vòng màu xanh + Xâu vòng màu đỏ

35	24-36 T	- Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.			+ Tô màu quả bóng * Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời - Hoạt động góc(+ Góc hđvdv: Xâu vòng xanh, đỏ, tháo lắp vỏ chai,... + Góc vđ: Chơi thả bi, lăn bóng,... + Góc NT: Vò giấy, di tô màu... - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)
----	---------	--	--	--	---

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

36	18-24 T	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: “Đi đến đây”; “đi rửa tay”;....		- Nghe và thực hiện 1 số yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động chơi, hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trò chuyện, âu yếm trẻ, cho trẻ chơi với các đồ chơi, cô hỏi trẻ "Cái gì đây?"; "Đồ chơi này cất ở đâu?" và yêu cầu trẻ cất đồ chơi đúng nơi quy định. - Cất đồ dùng đồ chơi sau khi chơi. *Trẻ nói rõ từ: đôi dép, cái mũ, quả bóng,..
37	24-36 T	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động: (VD: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”)		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Chơi – tập buổi chiều - Nghe các câu hỏi: Đôi dép dùng để làm gì? Cô có cái gì đây? Quả bóng
38	18-24 T	- Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”....	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	
39	24-36 T	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế		- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở	

		nào?"; (VD: "Con gà gáy thế nào?")		đâu?"; "Như thế nào?".- Nghe các câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Để làm gì?"; "Ở đâu?"; "Như thế nào?".	dùng để làm gì?...
40	18-24 T	- Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: "Ai đây?"; "Con gì đây?"; "Cái gì đây?"...		- Nghe các câu hỏi: "Ở đâu?"; "Con gì?"; "...thế nào?"; ("Gà gáy thế nào?"); "Cái gì?"; "Làm gì?". - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Nghe các câu hỏi: Đôi dép dùng để làm gì? Cô có cái gì đây? Quả bóng dùng để làm gì?... * Hoạt động chơi – tập có chủ định: Thơ - Cái bát xinh xinh - Đi dép - Làm đồ chơi - Giờ chơi.
41	24-36 T	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	- Xem tranh ảnh video và gọi tên các nhân vật - Cho trẻ nghe các bài đồng dao: Lộn cầu vòng, chi chi chành chành, bịt mắt bắt dê,..
42	18-24 T	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi... - Trẻ nói được câu đơn 2- 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	- Phát âm các âm khác nhau	- Trả lời và đặt câu hỏi: "Con gì?"; "Cái gì?"; "Làm gì?". - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	

43	24-36 T	- Trẻ phát âm rõ tiếng - Trẻ nói được câu đơn, câu có 5- 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...	
44	18-24 T	- Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Thơ - Cái bát xinh xinh - Đi dép - Làm đồ chơi
45	24-36 T	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	- Giờ chơi. * Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ như trò chuyện về đồ dùng, đồ chơi của lớp ,...
46	18-24 T	- Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu muốn uống nước, cháu muốn...)		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	* Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
47	24-36 T	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”...		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Tập mời cô, mời các bạn - Trong giờ vệ sinh: Tập nói với cô khi có nhu cầu - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “Chào các bạn”, “Con uống nước”, “Con muốn đi vệ sinh”...

				động quen thuộc trong giao tiếp.	
49	24-36 T	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ					
51	24-36 T	- Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.		- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - NB: + Nhận biết đôi dép, cái mũ + Nhận biết cái bát, cái thìa + Nhận biết quả bóng, cái vòng (màu xanh, màu đỏ) + Nhận biết ô tô, búp bê
52	18-24 T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người thân gần gũi.		- Giao tiếp với cô và bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Tập giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ. * Hoạt động chơi – tập có chủ định
53	24-36 T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với những người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh	- Thích trả lời các câu hỏi của cô. * Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Giờ ngủ - Giờ ăn: Thể hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.
58	18-24 T	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.		- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ ạ”, “dạ”	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Giờ ăn - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”,

59	24-36 T	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ.		- Thực hiện 1 số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cầu bạn.	“vâng ạ”. * Hoạt động chơi: - HDG: Góc thao tác vai (Bế em, cho em, nấu ăn ...) - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Bế em, cho em ăn, nấu cơm.
60	18-24 T	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại,...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		
61	24-36 T	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại,...)			
62	24-36 T	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: Đôi dép, Em búp bê. - VDTN: Bóng tròn to, chiếc khăn tay. - NH: Đồ dùng bé yêu
65	18-24 T	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...)		- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	* Hoạt động chơi - TC: Thi xem ai nhanh hơn, Ai đoán đúng, Ai nhanh nhất.

66	24-36 T	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc		- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
68	24-36 T	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Xem tranh	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Hoạt động với đồ vật + Tô màu cái bát + Tô màu quả bóng * Hoạt động chơi: + Chơi ở góc nghệ thuật. + Xem tranh chủ đề + Xếp hình.

* Tổng số mục tiêu:

- Trẻ 18-24 tháng: 24

- Trẻ 24-26 tháng: 31

* CHUẨN BỊ

- Máy tính, giáo án điện tử, tranh ảnh trường mầm non, tranh thơ “ Đi dép, cái bát xinh xinh, giờ chơi, làm đồ chơi”. Một số đồ dùng đồ chơi trong lớp như tranh ảnh xác xô, hạt vòng, tranh chuyện, thơ, ...

- Lựa chọn một số bài hát, trò chơi, câu truyện... liên quan đến trường mầm non

- Phối hợp với phụ huynh chuẩn bị sưu tầm tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi về chủ đề trường mầm non

- Âm nhạc: Đai, băng bài hát Đôi dép, bóng tròn to, em búp bê, chiếc khăn tay

- Hoạt động góc: Bộ đồ chơi nấu ăn, bán hàng, búp bê,... Các khối gỗ, hàng rào,...

BGH PHÊ DUYỆT

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Đinh Thị Hồng Ngoan

Nguyễn Thị Thảo

